

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định thống tư số 04/2012/TT-BCT

Trang 1/11

Iodis®

Phiên bản 7

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-03-02

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	Iodis®
Số Dành Mục	433300, 333300

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	[SU22] Sử dụng chuyên nghiệp: Phạm vi công cộng (hành chính, giáo dục, giải trí, dịch vụ, thợ thủ công); [PC8] Sản phẩm diệt khuẩn (ví dụ như chất khử trùng, kiểm soát dịch hại);
Hình thù	Thuốc khử trùng.

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty:	Neogen Corporation
Địa chỉ nhà	620 Lesher Place Lansing MI 48912 USA
Web	www.neogen.com
Điện thoại:	517-372-9200/800-234-5333
Địa chỉ email:	SDS@neogen.com

Thông tin khác

	Preserve International 944 Nandino Blvd. Lexington, KY 40511-1205 U.S.A. Preserve International là một công ty con thuộc sở hữu của Neogen Corporation.
--	--

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

2.1.2. Phân loại (Quy định số GHS)	Skin Corr. 1C: H314; STOT SE 3: H335; Aquatic Chronic 3: H412;
------------------------------------	--

2.2 Các yếu tố nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

Skin Corr. 1C: H314 - Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.
STOT SE 3: H335 - Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Aquatic Chronic 3: H412 - Có hại cho đời sống thủy sinh với hậu quả lâu dài.

2.2 Các yếu tố nhân

Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp phòng ngừa	P260 - Khống được hít bụi / khói / khí / sương mù / hơi / phun P264 - Rửa thật kỹ sâu khi xử lý . P273 - Tránh thải ra môi trường P280 - Đeo găng tay bảo vệ / bảo vệ bảo vệ bảo vệ quần áo / mắt / mặt.
Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp ứng phó	P301+P330+P331 - Nếu NUỐT: Súc miệng. Khống được nôn mửa. P303+P361+P353 - Nếu ON DA (hoặc tóc): Hủy bỏ / Cởi ngay lập tức tất cả quần áo bị ô nhiễm. Rửa sạch da bằng nước / vòi sen. P304+P340 - NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân đến không khí trong lành và giữ nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp. P305+P351+P338 - Nếu VÀO MẮT: Rửa sạch một cách thận trọng với ãter trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng để làm. Tiếp tục rửa. P310 -Ngây lập tức gọi trung tâm giải độc hoặc bác sĩ / bác sĩ . P363 - Giặt quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.
Các lưu ý phòng ngừa: Việc thải bỏ	P501 - Xử lý các nội dụng / container một cơ sở xử lý chất thải nguy hại / đặc biệt được phê duyệt theo quy định của địa phương và quốc gia.

2.3 Các nguy cơ khác

Các dấu hiệu nguy hiểm khác	Không ải biết.
------------------------------------	----------------

Phần 3. Thành phần/thống tịn về các phụ liệu**3.2 Hỗn hợp****EC 1272/2008**

Tên hóa học	Chỉ số	Số CAS	Số EC	REACH Số Đăng ký	Nồng độ %	Phân loại
Nonylphenoxypolyethoxy ethanol		127087-87-0	500-315-8		10 - 20%	Acute Tox. 4: H302+H332; Skin Irrit. 2: H315; Eye Dám. 1: H318; Aquatic Chronic 2: H411;
Phosphoric acid (75%)		7664-38-2	231-633-2		20 - 30%	Skin Corr. 1C: H314;
Iodine	053-001-00-3	7553-56-2	231-442-4		1 - 10%	Acute Tox. 4: H332; Acute Tox. 4: H312; Aquatic Acute 1: H400;

Hình thề

	Nồng độ được liệt kê không phải là thống số kỹ thuật sản phẩm.
--	--

Thống tịn khác

	Toàn văn Tuyên bố về môi nguy được liệt kê trong Phần này được cung cấp trong Phần 16.
--	--

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu**4.1 Mổ tả các biện pháp sơ cứu cần thiết**

Sâu khi hít phải:	Đi chuyển người tiếp xúc với không khí trong lành. Chăm sóc y tế ngay lập tức khi được yêu cầu. Nếu bất tỉnh, kiểm tra nhịp thở và áp dụng hô hấp nhân tạo nếu cần thiết. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxi. Nếu ngừng thở, cung cấp hô hấp nhân tạo.
Sâu khi tiếp xúc với mắt	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Giữ mắt mở và rửa từ từ và nhẹ nhàng với nước trong 15-20 phút. Kính áp tròng nên được loại bỏ. Chăm sóc y tế ngay lập tức khi được yêu cầu.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Sâu khi tiếp xúc với da, hãy cởi ngay tất cả quần áo bị nhiễm bẩn và giặt ngay lập tức với nhiều Xà phòng và nước. Làm ướt vùng da bị ảnh hưởng bằng nước chảy trong 10 phút hoặc lâu hơn nếu chất vẫn còn trên da. Chăm sóc y tế ngay lập tức khi được yêu cầu.

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Nếu nuốt phải:	Rửa miệng thật kỹ. Không gây nôn trừ khi được trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ yêu cầu làm như vậy. Tổn thương niêm mạc có thể chống chỉ định sử dụng rửa dạ dày. Không bảo giờ cho bất cứ điều gì vào miệng của một người đã bất tỉnh. Chăm sóc y tế ngay lập tức khi được yêu cầu.
-----------------------	--

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Sâu khí hít phải:	thuộc tính môi trường. Gây bỏng. Trong trường hợp nghiêm trọng, có thể gây mất ý thức. Có thể gây kích ứng cho niêm mạc. Có thể gây chóng mặt và đau đầu.
Sâu khí tiếp xúc với mắt	Nguy cơ thiệt hại nghiêm trọng cho mắt. Gây viêm nặng và có thể làm hỏng giác mạc. Nguy cơ ảnh hưởng rất nghiêm trọng không thể đảo ngược.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Ăn mòn mô sống. Gây bỏng da. Nguy cơ ảnh hưởng rất nghiêm trọng không thể đảo ngược.
Nếu nuốt phải:	Ăn mòn mô sống. Gây bỏng nặng. Nguy cơ ảnh hưởng rất nghiêm trọng không thể đảo ngược. Ăn vào có thể gây buồn nôn và nôn.

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Chuyển đến bệnh viện nếu có bỏng hoặc triệu chứng ngộ độc. Chăm sóc y tế ngay lập tức khi được yêu cầu. Nếu cần tư vấn y tế, có hộp đựng sản phẩm hoặc nhãn trong tay.
--	--

Thông tin khác

	Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.
--	--

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa**5.1 Các phương tiện chữa cháy**

	Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
--	--

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hoá chất và hỗn hợp

	Không hít hơi hoặc phun sương. Lửa sẽ tạo ra khói đen dày đặc.
--	--

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

	Trong trường hợp hỏa hoạn và / hoặc nổ không hít khói. Không hít hơi hoặc phun sương. Mặc: Khép kín thiết bị bị hỏng, Thiết bị bảo vệ.
--	--

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải**6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp**

	Trong trường hợp dọn dẹp sự cố tràn, hãy mặc quần áo bảo hộ và thiết bị phù hợp để tránh tiếp xúc với da và mắt và để tránh nuốt phải hoặc hít phải. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Giữ nhân viên tránh tràn. Tránh tiếp xúc với mắt và da. Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Tránh xa các vật liệu không tương thích.
--	--

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

	Ngăn chặn sự cố tràn thêm nếu an toàn. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không xả vào nước mặt. Đùng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.
--	--

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

	Hấp thụ với vật liệu trơ, thấm nước. Dọn chỗ đổ. Chuyển đến container thích hợp, có nhãn để xử lý. Vứt bỏ vật liệu này và thùng chứa của nó đến điểm thụ gom chất thải nguy hại hoặc đặc biệt. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải.
--	---

6.4 Xem các mục khác

	Xem Phần (2, 8, và 13) để biết thêm thông tin.
--	--

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ**7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hoá chất**

Áp dụng các cân nhắc Xử lý thủ công tốt nhất khi xử lý, mang và phá chế. Xử lý và container mở với việc chăm sóc. Không hít hơi hoặc phun sương. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hấp thích hợp. Gây tổn thương mắt và tổn thương da. Mặc quần áo bảo hộ hoá chất. Đeo kính bảo hộ hoặc tấm chắn mặt và găng tay cao su khi xử lý sản phẩm này. Rửa bên ngoài găng tay trước khi tháo chúng ra. Rửa tay kỹ bằng xà phòng và nước sạch khi xử lý và trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng thuốc lá hoặc sử dụng nhà vệ sinh. Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được phép ra khỏi nơi làm việc. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không ăn, uống hoặc hút thuốc ở những khu vực sử dụng hoặc bảo quản sản phẩm này.

Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Lưu trữ trong thùng chứa bán đầu ở nơi khô mát, không thể tiếp cận với trẻ em và vật nuôi. Giữ kín thùng chứa. Không làm ô nhiễm nước, thực phẩm hoặc thức ăn bằng cách lưu trữ hoặc xử lý. Giữ container kín và tránh xa các hoá chất khác. Không sử dụng hoặc lưu trữ gần nhiệt hoặc ngọn lửa. Không lưu trữ với Các chất hoặc hỗn hợp không tương thích. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

7.3 Sử dụng cụ thể

Xem Phần (1.2) để biết thêm thông tin.

Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân**8.2 Kiểm soát phơi nhiễm****8.2.1. Các biện pháp kỹ thuật**

Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe.

8.2.2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Mặc quần áo bảo hộ hoá chất. Không hít bụi hoặc hơi.

Bảo vệ mắt/mặt

Mặc: Kính bảo hộ đã được phê duyệt, Mặt khiên.

Bảo vệ tay

Mặc: Găng tay chống hoá chất. Rửa bên ngoài găng tay trước khi tháo chúng ra. Rửa tay kỹ bằng xà phòng và nước sạch khi xử lý và trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng thuốc lá hoặc sử dụng nhà vệ sinh.

Thiết bị bảo hộ khác

Sâu khi tiếp xúc với da, rửa ngay lập tức với nhiều Xà phòng và nước. Mặc quần áo bảo hộ, găng tay và bảo vệ mắt / mặt phù hợp.

Bảo vệ hô hấp

Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hấp thích hợp.

Kiểm soát phơi nhiễm nghề nghiệp

Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Cung cấp hoá chất tấm. Cung cấp trạm rửa mắt.
Bảo vệ quần áo khỏi tiếp xúc với sản phẩm. Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được phép ra khỏi nơi làm việc. Tránh ô nhiễm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi.

Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm để biết thêm các yêu cầu và khuyến nghị PPE. Thực hiện theo các hướng dẫn nhãn.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hoá học**9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học**

Hình thể	Chất lỏng
Màu sắc	Màu đỏ/nâu
Mùi đặc trưng	Đặc điềm
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
Độ pH	Không có thông tin
Điểm nóng chảy	Không có thông tin
Điểm đóng băng	Không có thông tin
Điểm sôi/khoảng sôi	Không có thông tin
Điểm chớp cháy/điểm	Không có thông tin
Tỷ lệ hoá hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không áp dụng được
Áp suất hoá hơi	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin
Hệ số phân tán	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Độ nhớt, động lực	Không có thông tin
Đặc tính cháy nổ	Không áp dụng được
Đặc tính oxy hoá	Không có thông tin
Tính tan trong nước	Hoà tan trong nước

9.2 Các dữ liệu khác

VOC (Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)	Không có thông tin
----------------------------------	--------------------

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng**10.1 Khả năng phản ứng**

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

10.2 Tính ổn định hoá học

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

	Trong các điều kiện quy định, các phản ứng nguy hiểm dẫn đến nhiệt độ hoặc áp suất quá mức không được mong đợi.
--	---

10.4 Các điều kiện cần tránh

	Không sử dụng hoặc lưu trữ gần nhiệt hoặc ngọn lửa. Tránh xa các vật liệu không tương thích.
--	--

10.5 Các vật liệu xung khắc

	Tránh xa Các chất oxy hoá mạnh, kim loại mềm.
--	---

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

	Ôxít carbon.
--	--------------

Phần 11. Thông tin độc học**11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái**

Ngộ độc cấp tính	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng. Tuy nhiên, sản phẩm này có
------------------	--

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Ăn mòn / kích ứng da	chứa (các) chất được phân loại là nguy hiểm. Đề biết thêm thông tin, xem Phần 3.
Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng	Ăn mòn mỡ sống. Gây bỏng. Nguy cơ có thể có tác dụng không thể đảo ngược.
Nhạy cảm	Gây bỏng nặng. Gây viêm nặng và có thể làm hỏng giác mạc. Nguy cơ có thể có tác dụng không thể đảo ngược.
Biến đổi tế bào gốc	Có thể gây ra phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm.
Độc tính gây ung thư	Không có tác dụng gây đột biến được báo cáo. Không tìm thấy là một chất gây ung thư tiềm năng trong chuyên khảo của Cơ quan Nghiên cứu Ung thư (IARC), Tập 1-123. Không được liệt kê trong Báo cáo lần thứ 14 của Chương trình Chất độc quốc gia (NTP) về chất gây ung thư. Không được liệt kê trong Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp chính phủ Hoa Kỳ (ACGIH) Hướng dẫn về các giá trị tiếp xúc nghề nghiệp. Không được liệt kê trong tiêu chuẩn OSHA 1910.1003 Chất gây ung thư.
Độc tính đối với sinh sản	Không có tác dụng gây quái thai báo cáo.
Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể -phổi nhiệm đơn lẻ	Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít. Có thể gây kích ứng niêm mạc miệng.
Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phổi nhiệm nhiều lần	Các thành phần có thể gây tổn hại cho các bộ phận cơ thể người dựa trên dữ liệu động vật.
Nguy cơ hấp	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Sự xuất hiện chậm trễ của các khiếu nại và phát triển quá mẫn cảm (khó thở, ho, hen suyễn) là có thể.

11.1.2. Hỗn hợp

	Xem Phần (3) đề biết thêm thông tin.
--	--------------------------------------

11.1.3. Thông tin nguy hiểm

	Xem Phần (2 và 3) đề biết thêm thông tin.
--	---

11.1.5. Nhóm sự cố

	Xem Phần (2 và 4) đề biết thêm thông tin.
--	---

11.1.6. Tiêu chí phân loại

	Dựa trên các cân nhắc của Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS) để phân loại hỗn hợp. Xem Phần 15 để trích dẫn quy định.
--	--

11.1.7. Thông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm

	Sau khi tiếp xúc với mắt. Trong trường hợp tiếp xúc với da. Nếu nuốt phải: Sau khi hít phải:.
--	---

11.1.8. Các triệu chứng liên quan đến các đặc tính vật lý, hỏa học và độc tính

	Xem Phần (4.2) đề biết thêm thông tin.
--	--

11.1.9. Các tác dụng bị trì hoãn và ngay lập tức cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

	Xem Phần (4.2) đề biết thêm thông tin.
--	--

11.1.10. Hiệu ứng tương tác

	Không có thông tin.
--	---------------------

11.1.11. Thiếu dữ liệu cụ thể

	<1% hỗn hợp này bao gồm các thành phần độc tính cấp tính chưa biết.
--	---

11.1.12. Hỗn hợp so với tổng tính chất

	Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.
--	--------------------------------------

11.1.13. Tổng tính khác

	Chú ý - chất chưa được kiểm tra đầy đủ.
--	---

Phần 12. Tổng tính sinh thái học

12.1 Độc tính

Iodine	Dữ liệu EC50 / 48h: 0.2 mg/l	Cá hồi cầu vồng LC50 / 96h: 1.7 mg/l
--------	------------------------------	--------------------------------------

12.2 Tính bền vững và phân hủy

	Không có thông tin.
--	---------------------

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

	Không có thông tin.
--	---------------------

12.4 Tính biến đổi trong đất

	Không có thông tin.
--	---------------------

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

	Không có thông tin.
--	---------------------

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

13.1. Các phương pháp xử lý chất thải

	Xử lý các nội dụng / container một cơ sở xử lý chất thải nguy hại / đặc biệt được phê duyệt theo quy định của địa phương và quốc gia. Không xả nước thải có chứa sản phẩm này vào hệ thống thoát nước. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.
--	--

Phương pháp xử lý

	Xử lý các nội dụng / container một cơ sở xử lý chất thải nguy hại / đặc biệt được phê duyệt theo quy định của địa phương và quốc gia. Không làm nhiệm vụ rửa nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không được đổ vào cống rãnh; vứt bỏ vật liệu này và thùng chứa của nó một cách an toàn. Không xả vào nước mặt. Đừng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.
--	---

Xử lý bảo bì

	Container không thể đổ. Không tái sử dụng đồ chứa này. Lưu trữ trong hộp kín bán đầu cách xa thực phẩm hoặc thức ăn. Các thùng rỗng có thể được gửi đến bãi rác sâu khi làm sạch, nếu tuân thủ quy định của địa phương và quốc gia. Có thể được tái chế nếu tuân thủ quy định của địa phương và quốc gia.
--	---

Thông tin khác

	Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.
--	--

Phần 14. Tổng tính vận chuyển

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



14.1 Số UN

14.1 Số UN	
	UN1903
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	
	DISINFECTANT, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S. (Phosphoric acid)
14.3 Hạng	
ADR/RID	8
Rủi ro phụ	-
IMDG	8
Rủi ro phụ	-
IATA	8
Rủi ro phụ	-
14.4 Nhóm đóng gói	
Nhóm đóng gói	III
14.5 môi trường độc hại	
Mối nguy hiểm môi trường	No
Ô nhiễm môi trường biển	No
ADR/RID	
ID nguy hiểm	80
Mã giới hạn đối với vận chuyển quá đường hầm	(E)
IMDG	
EmS	F-A S-B
IATA	
Hướng dẫn đóng gói (chờ hàng)	856
Số lượng tối đa	60 L
Hướng dẫn đóng gói (Hành khách)	852
Số lượng tối đa	5 L
Phần 15. Thông tin pháp luật	
15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp	
Quy định	Thông tư số 04/2012/TT-BCT.
Danh mục hóa chất / Danh sách phải biết:	- Quốc tế--. Cống ước Basel (Chất thải nguy hại): H8. Cống ước vũ khí hóa học (OPCW): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo. Khí nhà kính Nghị định thư Kyoto: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo. Thỏa thuận Mercosur: Không áp dụng được. Nghị định thư Montréal: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo. Cống ước Rotterdam: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo. Cống ước Stockholm: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo. --Ásía và các quốc gia ASEAN--. Danh mục hóa chất độc hại (Trung Quốc): [2790, Phosphoric acid, CAS No. 7664-38-2], [189, Hydroiodic acid solution (Hydrogen iodide), CAS No. 10034-85-2]. Cấm. [Nonylphenoxypolyethoxy

15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

ethanol, CAS No. 127087-87-0].

Quy định của Bộ trưởng Bộ Thương mại Cộng hòa Indonesia, Số 75, Năm 2014, về Sửa đổi thứ hai của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Số 44, Năm 2009, về Cưng cấp, Phân phối và Kiểm soát các Chất độc hại: Vật liệu độc hại có thể sử dụng, [Phosphoric acid, CAS No. 7664-38-2].

Lệnh kiểm soát các chất hóa học (Nhật Bản): Đánh giá ưu tiên, Phát hành môi trường loại I, [Nonylphenoxypolyethoxy ethanol, CAS No. 127087-87-0]. Giám sát loại III, số 43 [Nonylphenoxypolyethoxy ethanol, CAS No. 127087-87-0].

Đạo luật về an toàn và sức khỏe công nghiệp, các chất nguy hiểm (Nhật Bản): Yêu cầu ghi nhãn / thông báo, [Phosphoric acid, CAS No. 7664-38-2], [Iodine (Iodine complex), CAS No. 7553-56-2].

Đạo luật về chất độc và độc hại (Nhật Bản): Tuyệt vời, [Iodine (Iodine complex), CAS No. 7553-56-2], [Hydriodic acid solution (Hydrogen iodide), CAS No. 10034-85-2].

Các chất hóa học được phép (Hàn Quốc): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

Các chất bị hạn chế hoặc bị cấm (Hàn Quốc): Hạn chế, [06-5-6, Nonylphenoxypolyethoxy ethanol, CAS No. 127087-87-0].

Sử dụng và các tiêu chuẩn tiếp xúc với hóa chất có hại cho sức khỏe (USECHH), Quy định 2000 (Malaysia): Lịch trình tiếp xúc I, [Phosphoric acid, CAS No. 7664-38-2], Quy định lớp, [Iodine (Iodine complex), CAS No. 7553-56-2].

Kiểm kê hóa chất và hóa chất của Philippines (PICCS): Các chất độc hại và Đạo luật kiểm soát chất thải hạt nhân nguy hiểm và hạt nhân (RA6969):, [Nonylphenoxypolyethoxy ethanol, CAS No. 127087-87-0], [Phosphoric acid, CAS No. 7664-38-2], [Iodine (Iodine complex), CAS No. 7553-56-2], [Hydriodic acid solution (Hydrogen iodide), CAS No. 10034-85-2].

Đạo luật kiểm soát các chất hóa học và chất độc có liên quan đến Đài Loan (TCCSCA): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

Đạo luật về các chất độc hại (Thái Lan): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

Lệnh Hóa chất (Việt Nam): Phụ lục I, Phụ lục V, Phụ lục VII, [Phosphoric acid, CAS No. 7664-38-2], [Hydriodic acid solution (Hydrogen iodide), CAS No. 10034-85-2]. Phụ lục V, Phụ lục VI, Phụ lục VII, [Iodine (Iodine complex), CAS No. 7553-56-2].

--Úc và New Zealand--.

Mã hàng nguy hiểm của Úc: Class 8.

Kiểm kê các chất hóa học (AICS) của Úc: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

Tồn kho hóa chất New Zealand (NZIoC): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

- Liên minh châu Âu (EU) và Vương quốc Anh (Anh) -.

Danh sách ủy quyền (Phụ lục XIV của REACH): Tác nhân gây rối loạn nội tiết, [Nonylphenoxypolyethoxy ethanol, CAS No. 127087-87-0].

Phụ lục XVII cho REACH: Hạn chế, [Nonylphenoxypolyethoxy ethanol, CAS No. 127087-87-0].

Điều 95 của Quy định về Sản phẩm Biocidal (BPR): [PT4, Iodine (Iodine complex), CAS No. 7553-56-2].

--Bắc Mỹ--.

Danh sách các chất trong nước / ngoài nước (DSL / NDSL): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

Đạo luật kiểm soát các chất độc hại (TSCA): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

Danh sách các chất độc hại cần biết của Massachusetts: Phosphoric acid, Iodine (Iodine complex).

Đạo luật Quyền được biết của Công nhân và Cộng đồng New Jersey: Phosphoric acid, Iodine (Iodine complex).

Quyền được biết của Pennsylvania: Phosphoric acid, Iodine (Iodine complex).

Lệnh chung về quyền được biết của Rhode Island: Phosphoric acid, Iodine (Iodine complex).

** Cư dân California xin lưu ý **.

CẢNH BÁO: Sản phẩm này có thể khiến bạn tiếp xúc với hóa chất, bao gồm

15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

	Nonylphenoxypolyethoxy ethanol, CAS No. 12787-87-0 and 1,4-Dioxane, CAS No. 123-91-1, được biết đến với Tiêu bảng California gây ung thư. Đề biết thêm thông tin, hãy truy cập www.P65Warnings.ca.gov .
--	---

Thông tin khác

Từ tín hiệu FIFRA Cảnh báo hàng năm	Hóa chất này là một sản phẩm thuốc trừ sâu được đăng ký bởi Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ và phải tuân theo một số yêu cầu ghi nhãn theo luật thuốc trừ sâu liên bang. Các yêu cầu này khác với các tiêu chí phân loại và thông tin nguy hiểm cần thiết cho các bảng dữ liệu an toàn (SDS) và cho nhãn nội làm việc của các hóa chất không thuốc trừ sâu. Thông tin nguy hiểm cần có trên nhãn thuốc trừ sâu được sao chép dưới đây. Nhãn thuốc trừ sâu cũng bao gồm các thông tin quản trọng khác, bao gồm cả hướng dẫn sử dụng.
	NGUY HIỂM.
	Tránh xa tầm tay trẻ em. Nguy hiểm cho con người và vật nuôi. Ăn mòn. Gây tổn thương mắt và tổn thương da. Không nhận được vào mắt, da, hoặc trên quần áo. Có hại nếu nuốt phải. Đeo kính bảo hộ hoặc tấm chắn mặt và găng tay cao su khi xử lý sản phẩm này. Rửa tay kỹ bằng xà phòng và nước sau khi xử lý và trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng thuốc lá hoặc sử dụng nhà vệ sinh. Cởi bỏ và giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.

Phần 16. Các thông tin khác**Các thông tin khác**

Phiên bản	Tài liệu này khác với phiên bản trước trong các lĩnh vực sau: 2 - 2.1.2. Phân loại (Quy định số GHS).
Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn	ADR / RID: Các thỏa thuận châu Âu liên quan đến vận chuyển hàng hóa nguy hiểm quốc tế bằng đường sắt (RID) và bằng đường bộ (ADR). CAS số: Dịch vụ tóm tắt hóa học. LỚP: Bảng phân loại, ghi nhãn và dữ liệu an toàn của quy định về hóa chất độc hại 2013 (Mãlaysia). GHS: Hệ thống hài hòa toàn cầu. HCS 2012: Tiêu chuẩn truyền thống nguy hiểm của Hoa Kỳ (sửa đổi năm 2012). IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế. ICAO: Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế. IMDG: Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế. LD: Liều gây tử vong. OEL: Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp. OSHA: Cơ quan quản lý sức khỏe và an toàn lao động Hoa Kỳ. PEL: Giới hạn phơi nhiễm cho phép. REACH: Đăng ký, Đánh giá, Ủy quyền và Hạn chế Hóa chất. SVHC: Chất gây lo ngại rất cao. DOT Hoa Kỳ: Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ. VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi. WEL: Giới hạn tiếp xúc nội làm việc.
Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 3.	Tox cấp tính. 4: H302 + H332 - Có hại nếu nuốt phải hoặc hít phải Skin Irrit. 2: H315 - Gây kích ứng da. Eye Dám. 1: H318 - Gây thiệt hại mắt nghiêm trọng. Aquatic Chronic 2: H411 - Độc hại đối với đời sống thủy sinh với hậu quả lâu dài. Skin Corr. 1C: H314 - Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt. Acute Tox. 4: H312 - Có hại tiếp xúc với da. Acute Tox. 4: H332 - Có hại nếu hít. Aquatic Acute 1: H400 - Rất độc hại đối với đời sống thủy sinh.

Thông tin khác

TUYÊN BỐ TỪ CHỐI: Các thông tin và khuyến nghị được nêu trong tài liệu này ("Thông tin") được trình bày với thiện chí và được cho là chính xác kể từ ngày bản hành. Không có đại diện nào được thực hiện liên quan đến tính đầy đủ hoặc chính xác của Thông tin. Hơn nữa, do có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm này, Thông tin được cung cấp với điều kiện người đó nhận được sẽ tự quyết định về sự phù hợp của mình cho mục đích duy nhất của họ, trước khi sử dụng.

Trừ khi được quy định rõ ràng trong tài liệu này, **KHÔNG CÓ ĐẢM BẢO, BẢO ĐẢM, HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT KÌ LOẠI NÀO, ĐẠI DIỆN HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT KÌ LOẠI NÀO, REX RÀNG HOẶC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT B USNG VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY** được thực hiện đối với sản phẩm này hoặc sử dụng sản phẩm này. Sản phẩm được bảo hiểm được trang bị "nguyên trạng" và chỉ tuân theo các bảo hành được cung cấp ở đây, không có trách nhiệm pháp lý nào xảy ra do việc sử dụng sản phẩm này.